

Bản án số: 62/2023/DS-PT
Ngày 21 tháng 02 năm 2023
*“Tranh chấp về thừa kế tài sản và
yêu cầu hủy Giấy CNQSD đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn;

Ông Đặng Văn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 197/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc: “Tranh chấp chia di sản thừa kế và hủy quyết định cá biệt”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 979/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn TV, sinh năm 1951; địa chỉ: 28A/2, tổ 5, phường C, thành phố R, tỉnh K; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn TM, sinh năm 1952; địa chỉ: Xóm 6 (nay là xóm 6A), xã TL, huyện Ch, tỉnh N; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà TM: Ông Nguyễn VD và ông Thái Đ; cùng địa chỉ: Số 288A, phường H, thành phố V, tỉnh N; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phạm TX, sinh năm 1979; trú tại: Số nhà 01, VĐ, huyện KA, thành phố HP; vắng mặt.

2. Chị Phạm TT, sinh năm 1983; trú tại: Thôn T4, xã HĐ, huyện TY, tỉnh B; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn TI, sinh năm 1945; vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị LN, sinh năm 1972; vắng mặt.

5. Anh Nguyễn LB, sinh năm 1980; vắng mặt.

Đều trú tại: B17.06 chung cư L, phường EE, quận 7, thành phố HC.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn LB: Ông Nguyễn TĐ, sinh năm 1952; địa chỉ: 218B/5, khu phố 7, phường P, thành phố BH, tỉnh ĐN; có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Chị Nguyễn LH; sinh năm 1972; trú tại: 60/66 khu phố 4, phường T8, quận 17, thành phố HC; vắng mặt.

7. Chị Nguyễn Thị NNN; sinh năm 1976; trú tại: A15.06 chung cư 1, số 357 L, phường Q, quận 17, thành phố HC; vắng mặt.

8. Chị Nguyễn Thị HY; sinh năm 1984; trú tại: B16.05 chung cư L, phường EE, quận 17, thành phố HC; vắng mặt.

9. Ông Nguyễn TH2; sinh năm 1944; trú tại: TTX, huyện CM, thành phố HN; vắng mặt.

10. Anh Nguyễn Trọng Đ3, sinh năm 1975; trú tại: Công ty 1, đường số 12, khu công nghiệp BH, tỉnh ĐN; vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền của ông Nguyễn TH2, bà Nguyễn TI, chị Phạm TT, chị Phạm TX, anh Nguyễn LB, chị Nguyễn Thị LN, chị Nguyễn LH, chị Nguyễn Thị NNN, anh Nguyễn Trọng Đ3 và chị Nguyễn Thị HY: Ông Nguyễn TV, sinh năm 1951; địa chỉ: 28A/2, tổ 5, phường C, thành phố R, tỉnh K; có đơn xin xét xử mặt.

11. UBND huyện Ch, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đ, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Ch; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Nguyễn TV và bị đơn bà Nguyễn TM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai các đương sự và bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn TV và là người đại diện ủy quyền của các ông bà Nguyễn TH2, Nguyễn TI, Phạm TT, Phạm TX, Nguyễn LB, Nguyễn Thị LN, Nguyễn LH, Nguyễn Thị NNN, Nguyễn Trọng Đ3, Nguyễn Thị HY trình bày:

Bố mẹ ông TV là cụ Nguyễn TC1 (chết 1980) và cụ Đặng U (chết 1991), không để lại di chúc. Bố mẹ ông TV sinh được 06 người con gồm: Bà Nguyễn T11 (đã chết), ông Nguyễn LH8 (đã chết), ông Nguyễn TH2, ông Nguyễn TH9 (Liệt sỹ chưa có vợ con), ông Nguyễn TP2 (chồng bà TM đã chết) và ông Nguyễn TV.

Bố mẹ ông TV có tài sản là một ngôi nhà gỗ ba gian hai hồi và diện tích thửa đất nay xác định thực tế 1.039m² thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 5, tại xóm 6 (nay là xóm 6A), xã TL, huyện Ch, tỉnh N (theo sơ đồ mới). Cha mẹ ông TV có hợp gia đình và thống nhất khi chết sẽ để lại toàn bộ tài sản cho tất cả 06 người con, nhằm mục đích làm nơi thờ phụng tổ tiên.

Bố mẹ chết không lập di chúc để phân chia tài sản, bản thân ông TV từ khi

lớn lên đi học và công tác xa quê nên không thường xuyên ở nhà. Vào năm 1992, vợ chồng ông Nguyễn TP2 và bà Nguyễn TM (anh trai ông TV) thường trú tại xóm 6, xã TL bán nhà cửa rồi tự ý chuyển về nhà cha mẹ ông để ở. Năm 1995 anh trai ông TV là ông Nguyễn LH8 đã làm giấy xác nhận đất và tài sản ông bà để lại cho 06 anh em ông, giấy xác nhận này được nguyên Chủ tịch xã xác nhận. Những năm qua ông TV vẫn thường xuyên về nhà cha mẹ để thờ cúng và xây nhà thờ, hàng rào, cổng tại mảnh đất này.

Vào ngày 01 tháng 08 năm 2018, ông TV và các con cháu trở về quê mong muốn nâng cấp tu sửa lại căn nhà ba gian hai hồi bằng gỗ lim hơn 100 tuổi của cha mẹ ông để lại và xây dựng một số công trình phục vụ cho việc sử dụng cho con cháu trở về những ngày giỗ và lễ tết. Sau khi bàn bạc anh em và con cháu đồng ý lên chính quyền để xin cấp quyền sử dụng đất chung làm đất hương hỏa, nhằm giữ gìn, tôn tạo và ngăn chặn việc sang nhượng để anh em, con cháu yên tâm đầu tư xây dựng nhưng bà Nguyễn TM vợ ông Nguyễn TP2 không hợp tác, không cho mọi người được phân chia quyền thừa kế của cha mẹ ông.

Do anh chị em mâu thuẫn không thỏa thuận được, nên ông TV và các con cháu ủy quyền cho ông TV khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 187/QĐ-UBND về việc cấp và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Ch cấp ngày 27/12/1995 cho ông Nguyễn TP2 thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 4, diện tích 706m² (nay thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.039m²) và chia di sản thừa kế thửa đất nói trên cùng ngôi nhà gỗ ba gian hai hồi theo pháp luật; giữ nguyên ngôi nhà gỗ Lim của cha mẹ ông để lại. Phần diện tích đất và ngôi nhà ba gian hai hồi, sau khi trích chia cho bà TM một phần đất, phần diện tích đất và tài sản còn lại các đồng thừa kế tự nguyện thống nhất nhập chung để con cháu xây dựng nơi thờ tự chung. Ông TV đồng ý với phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất vào ngày 10/9/2020 có diện tích là 1.039m², đồng ý với kết quả định giá ngày 16/3/2021 và tự nguyện cam kết ông là người chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền trị giá tài sản và tiền chênh lệch cho bà TM (nếu có), kể cả số tiền án phí mà các đồng thừa kế khác phải chịu trên giá trị phần thừa kế được hưởng mà họ phải chịu theo pháp luật; nếu sau này có tranh chấp với các thừa kế khác ông TV sẽ yêu cầu bằng vụ kiện dân sự khác.

Bị đơn bà Nguyễn TM, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà TM thống nhất trình bày:

Bà Nguyễn TM là vợ của ông Nguyễn TP2 (ông TP2 chết năm 2005), vợ chồng bà TM có hai người con là anh Nguyễn Trọng Đ3 và anh Nguyễn TT5 (anh TT5 chết năm 2010 chưa có vợ con). Bố mẹ ông TP2 là cụ Nguyễn TC1 (chết năm 1980) và cụ Đặng U (chết năm 1991). Năm 1990, vợ chồng bà được sự đồng ý của cụ U và các anh em trong gia đình nên đã về ở trên thửa đất của bố mẹ ông TP2 tại xóm 6, xã TL, huyện Ch, tỉnh N; vợ chồng bà đã ở trên thửa đất này liên tục từ

năm 1990 cho đến nay và đều thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, phí về sử dụng đất đối với Nhà nước theo quy định pháp luật. Ngày 27/12/1995, vợ chồng bà được UBND huyện Ch cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 4, diện tích 706m². Năm 2002, thửa đất được đo đạc lại theo bản đồ địa chính là thửa đất số 96, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.079m². Mặc dù, năm 1990 vợ chồng bà ra ở tại thửa đất không có giấy tờ của cụ U nhưng trên thực tế được sự đồng ý của cụ U và các anh chị em trong gia đình ông TP2; khi vợ chồng bà đến ở thì mọi người đều vui vẻ, không có ai có tranh chấp gì. Đến năm 2016, anh em của ông TP2 về nói làm nhà thờ, bà TM đồng ý cắt một phần đất để làm nhà thờ nhưng khi làm xong nhà thờ thì đến năm 2019 ông TV và một số anh em lại ép bà TM sang tên bìu đỏ và tiếp tục lấy đất để làm thêm công trình, nhà cửa cho anh em về ở. Thực tế, trước khi vợ chồng bà về ở, trên thửa đất chỉ có ngôi nhà gỗ ba gian hai hồi đã cũ và bị xuống cấp, đất đai bị trũng và đến mùa mưa lụt bị ngập nên vợ chồng bà đã bỏ rất nhiều công sức, tiền bạc để tôn tạo, đổ đất cho cao lên và cải tạo đất đai, ngôi nhà. Hiện nay, do ngôi nhà bị xuống cấp nên bà phải cải tạo, xây tường, thay ngói một gian nhà phía Đông để ở.

Ông TV và các con cháu của cụ TC1, cụ U khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thửa đất, bà đồng ý cắt $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất để làm nhà thờ và khuôn viên nhà cửa ở phần phía Tây thửa đất, phần còn lại là của bà. Hiện bà đã già, tuổi cao sức yếu, đơn thân một mình nên không thể có điều kiện xây dựng nhà cửa mới để ở. Do đó, bà đề nghị giải quyết chia cho bà một gian nhà gỗ ba gian ở gian phía Đông mà vợ chồng bà đã sửa sang, cải tạo để cho bà có chỗ ở. Đồng thời, nếu chia thừa kế thửa đất, ngoài phần thừa kế được hưởng, bà đề nghị xem xét công sức đóng góp và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước của vợ chồng bà hơn 30 năm qua để trích chia cho bà được hưởng phần tài sản nhiều hơn.

Ông Nguyễn TH2 là con của cụ Nguyễn TC1 và cụ Đặng U trình bày:

Hiện nay di sản của cha mẹ ông để lại đã bị hư hỏng nghiêm trọng vì trong suốt thời gian gia đình bà Nguyễn TM đến ở, nhưng chưa có ý thức giữ gìn, bảo quản cũng như tôn tạo được tài sản của cha mẹ ông. Vì vậy để các con cháu yên tâm đóng góp tiền bạc, công sức, tôn tạo di sản ông bà cha mẹ để lại, ông yêu cầu hủy một phần Quyết định về việc cấp và một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn TP2, đồng thời chia thừa kế di sản của bố mẹ ông theo pháp luật. Phần thừa kế của ông được hưởng nhập chung và giao cho ông Nguyễn TV quản lý, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung cho các đồng thừa kế theo pháp luật, với mục đích làm đất hương hỏa, ngăn chặn mọi hành vi mua bán chuyển nhượng tài sản. Bà Nguyễn TM được phép tiếp tục sử dụng một phần trong di sản để lại, phần còn lại dùng làm nơi thờ cúng tổ tiên và nơi sinh hoạt chung cho đại gia đình khi trở về những ngày đoàn viên.

Bà Nguyễn TI là vợ của ông Nguyễn LH8 và các chị Nguyễn Thị LN, anh Nguyễn LB, chị Nguyễn LH, chị Nguyễn Thị NNN; chị Nguyễn Thị HY là con của

Bà Nguyễn TI và của ông Nguyễn LH8 thống nhất trình bày:

Nguồn gốc thửa đất và ngôi nhà ba gian gỗ lim hai hồi, nhà thờ và các tài sản gắn liền với đất tại xóm 6 (nay là xóm 6A), xã TL, huyện Ch, tỉnh N là của bố mẹ chồng bà TI. Sau khi bố mẹ chồng bà TI là cụ TC1 và cụ U chết, năm 1992 vợ chồng ông TP2, bà TM bán căn nhà riêng đang ở tại xóm L1 để chuyển về sinh sống tại căn nhà và thửa đất của bố mẹ chồng bà cho đến nay. Năm 1995 ông TP2, bà TM tự ý kê khai đăng ký chuyển quyền sử dụng đất đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 4 tại xóm 6, xã TL, huyện Ch, tỉnh N. Để tạo điều kiện cho con cháu về quê bà mong muốn xây dựng, tôn tạo lại các công trình, bà TI và các con của bà TI thống nhất các nội dung yêu cầu khởi kiện và ủy quyền cho ông Nguyễn TV toàn quyền quyết định.

Chị Phạm TT, chị Phạm TX con của bà Nguyễn T11 là cháu ngoại cụ TC1, cụ U trình bày: Thống nhất các nội dung yêu cầu khởi kiện và ủy quyền cho ông Nguyễn TV toàn quyền quyết định.

Anh Nguyễn Trọng Đ3 là con của vợ chồng ông TP2, bà TM trình bày:

Anh là con trai của vợ chồng ông TP2, bà TM, về nguồn gốc đất và ngôi nhà thống nhất như trong đơn khởi kiện của ông TV. Hiện nay di sản của ông bà để lại bị hư hỏng xuống cấp nhiều vì trong suốt thời gian đến ở, do ông TP2 (bố anh) và em trai chết sớm, anh lập nghiệp ở xa, một mình mẹ anh (bà TM) ở nhà nên không có điều kiện bảo quản cũng như tôn tạo được tài sản của ông bà để lại. Để tạo điều kiện cho con cháu về quê và mong muốn xây dựng, tôn tạo lại các công trình, anh thống nhất các nội dung yêu cầu khởi kiện và ủy quyền cho ông Nguyễn TV, phần thừa kế anh được hưởng anh nhập vào phần thừa kế khác và ủy quyền cho ông TV toàn quyền quyết định. Anh có nguyện vọng cho bà Nguyễn TM (mẹ anh) được phép tiếp tục sử dụng một phần trong di sản để lại, phần còn lại dùng làm nơi thờ cúng tổ tiên và nơi sinh hoạt chung cho anh em dòng tộc khi trở về những ngày đoàn viên.

Ông Nguyễn TV và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất: Trong trường hợp bà TM vẫn không đồng ý với nguyện vọng của tất cả đồng thừa kế còn lại, thì đề nghị xét xử theo đúng pháp luật hiện hành. Đối với phần di sản thừa kế của ông TV và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được hưởng nếu chia theo pháp luật, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nguyện vọng được nhập lại toàn bộ di sản của họ cho ông Nguyễn TV (nguyên đơn) toàn quyền quyết định với toàn bộ di sản mà họ được chia, được hưởng.

Đại diện UBND huyện Ch trình bày:

Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn TP2 và bà Nguyễn TM gồm có: Theo sổ mục kê trang số 2 lưu tại UBND xã TL ghi thông tin thửa đất số 62 tờ bản đồ số 04, chủ sử dụng là ông Nguyễn TP2, diện tích 859m², bản đồ 299 xã TL, đơn xin đăng ký Quyền sử dụng đất của ông Nguyễn TP2 đề nghị cấp giấy CNQDSD đất với diện tích 2.497m² được UBND xã TL xác nhận

trong đó có thửa đất số 62 tờ bản đồ số 04; Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 27/12/1995 của UBND huyện Ch về việc cấp giấy chứng nhận QSD đất. Tại thời điểm cấp GCNQSD đất 1995, không phát sinh tranh chấp. Việc UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn TP2 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai năm 1993 và các văn bản hướng dẫn thi hành tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 và Quyết định sửa chữa, bổ sung số 34/2022/QĐ-SCBSQĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh N đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 612, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự; Điều 105 Luật Đất đai năm 2003; Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; quy định về, án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn TV. Tuyên xử:

1. Hủy một phần Quyết định số 187/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H295424 ngày 27/12/1995 của UBND huyện Ch đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 4, diện tích 706m² (Nay thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.039m²) cấp cho ông Nguyễn TP2, tại xóm 6 (Nay là xóm 6A), xã TL, huyện Ch, tỉnh N.

2. Chia di sản của cụ Nguyễn TC1 và cụ Đặng U để lại gồm thửa đất thổ cư thuộc thửa đất số 62 tờ bản đồ số 04 (theo bản đồ 299 diện tích 706m²) nay là thửa số 96, tờ bản đồ số 5, diện tích thực tế 1.039m² và ngôi nhà gỗ 03 gian hai hồi tọa lạc trên đất, tại xóm 6 (Nay là xóm 6A), xã TL, huyện Ch, tỉnh N hiện đang do bà Nguyễn TM quản lý. Trích, chia cụ thể như sau:

2.1. Chia cho các đồng thừa kế của cụ TC1, cụ U, gồm: Ông Nguyễn TV, ông Nguyễn TH2, bà Nguyễn TI, chị Phạm TT, chị Phạm TX, anh Nguyễn LB, chị Nguyễn Thị LN, chị Nguyễn LH, chị Nguyễn Thị NNN, chị Nguyễn Thị HY và anh Nguyễn Trọng Đ3 được sử dụng phần đất 779m² trong đó; đất ở 200m², đất vườn 300m², tạm giao 279m² và ngôi nhà gỗ 03 gian hai hồi và được sở hữu toàn bộ tài sản, cây cối trên phần đất được chia, thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 5 tại xóm 6 (nay là xóm 6A), xã TL, huyện Ch, tỉnh N (Giao cho ông Nguyễn TV) trị giá 477.400.000 đồng. Phần diện tích đất có tứ cận: Phía Nam giáp Quốc lộ 46C rộng 19,31m; phía Đông giáp phần đất trích chia cho bà Nguyễn TM dài 48,18m; phía Bắc giáp đường xóm rộng 13,88m; phía Tây giáp thửa đất số 87 có kích thước các đoạn 4,30m + 42,22m; (Phần diện tích đất và các tài sản trên phần đất do ông Nguyễn TV quản lý).

Ông Nguyễn TV phải thanh toán trị giá chênh lệch về đất và tài sản trên đất cho bà Nguyễn TM tổng số tiền 77.400.000 đồng (Trong đó, giá trị 104m² đất 62.400.000đ; trị giá ngôi nhà 10.000.000đ và các tài sản, cây cối 5.000.000đ).

2.2. Trích, chia cho bà Nguyễn TM sử dụng 260m² đất; trong đó 100m² đất ở,

106m² đất vườn, tạm giao 54m², trị giá 156.000.000 đồng và được sở hữu toàn bộ tài sản trên phần đất được trích, chia, thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 5 tại xóm 6 (nay là xóm 6A), xã TL, huyện Ch, tỉnh N. Phần đất có tứ cận: Phía Nam giáp Quốc lộ 46C rộng 5m; phía Tây giáp phần đất giao cho ông Nguyễn TV (Cải đồng thừa kế) dài 48,18m; phía Bắc giáp đường xóm rộng 5m; phía Đông giáp thửa đất số 95 có kích thước các đoạn 5,32m + 13,35m + 18,82m + 11,39m.

Bà Nguyễn TM được nhận số tiền 77.400.000 đồng từ ông Nguyễn TV giao lại (trong đó, giá trị 104m² đất 62.400.000đ; trị giá ngôi nhà 10.000.000đ và các tài sản, cây cối 5.000.000đ).

Bà Nguyễn TM là người đang quản lý, sử dụng thửa đất và các loại tài sản trên đất có nghĩa vụ phải thi hành việc giao đất khi bản án có hiệu lực pháp luật.

(Chi tiết các phần đất có sơ đồ kèm theo).

Các bên đương sự, những người liên quan có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Dành quyền khởi kiện cho các thừa kế của ông TP2 (Chồng bà TM) đối với phần di sản của ông Nguyễn TP2 bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án dân sự và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/11/2021, nguyên đơn ông Nguyễn TV làm đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Di sản thừa kế là đất của bố mẹ để lại phải xác định là diện tích đo thực tế là 1.039m²; bà TM không có công chăm sóc, nuôi dưỡng người để lại di sản thừa kế, bà TM tự ý về ở và không có công sức tôn tạo, chỉ có một phần công sức trông coi di sản thừa kế nên ông và những người thừa kế khác chỉ đồng ý hỗ trợ phần công sức trông coi cho bà TM bằng toàn bộ trị giá ngôi nhà gỗ được định giá là 10.000.000 đồng và cộng thêm 5.000.000 đồng, tổng là 15.000.000 đồng nhưng bản án sơ thẩm lại chia cho bà TM 364m² gồm 260m² đất ở và 104m² tương ứng với giá quy định của Nhà nước là 62.400.000 đồng; tổng chia cho bà TM 260m² đất ở và buộc ông và các thừa kế phải thanh toán cho bà TM 77.400.000 đồng là chưa đúng. Bản án sơ thẩm trích phần công sức cho ông TP2 bà TM nhưng phần công sức của ông TP2 không tính để chia cho cháu Đ3, trong khi cháu Đ3 đã uỷ quyền cho ông nhận toàn bộ kỷ phần được hưởng thừa kế nên bản án chia toàn bộ công sức cho bà TM là chưa đúng. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chỉ chấp nhận hỗ trợ cho bà TM không quá 15.000.000 đồng và phần công sức bảo quản đất của bà TM không quá 100m², phần đất còn lại chia thừa kế theo pháp luật. Về chi phí định giá đất và đo đạc thửa đất đề nghị phân chia theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/11/2021, bị đơn bà Nguyễn TM làm đơn kháng cáo với nội dung: Trong 03 gian nhà thì có gian nhà phía Đông do bà tu tạo, xây dựng nên đây không phải là di sản thừa kế để chia; yêu cầu cấp phúc thẩm chia cho bà gian nhà

phía Đông để ở, phần diện tích đất bà được chia nay đã làm chuồng bò, không có lối đi, số tiền được chia không đủ làm nhà để ở và đề nghị xem xét công sức công sức và nghĩa vụ đóng góp tài chính với Nhà nước trong 30 năm để chia cho bà được hưởng di sản nhiều hơn.

Ngày 30/12/2022 ông Thái Đ, đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn TM có đơn rút đơn kháng cáo và ngày 10/02/2023, bà Nguyễn TM có đơn rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn TV vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bản tự khai trình bày nội dung giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của ông Nguyễn TV và bà Nguyễn TM làm trong thời hạn và đúng quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Ngày 10/02/2023 bà Nguyễn TM có đơn rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo nên đề nghị đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của bà TM.

+ Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử, chia thừa kế là phù hợp và có căn cứ pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn TV; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/DS-ST ngày 10/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bản án sơ thẩm xét xử vào ngày 10/11/2021; ngày 12/11/2021 ông Nguyễn TV làm đơn kháng cáo và ngày 18/11/2021 bà Nguyễn TM làm đơn kháng cáo là trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, có hình thức và nội dung phù hợp và thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Ngày 10 tháng 02 năm 2023, bà Nguyễn TM có đơn rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo; xét thấy việc rút đơn kháng cáo của bà TM là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và căn cứ vào Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của bà Nguyễn TM.

[1.3] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn có kháng cáo nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác

trong vụ án vắng mặt nhưng một số người đã uỷ quyền và người đại diện theo uỷ quyền có đơn xin xét xử vắng mặt, những người khác đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Trên cơ sở đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh N là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và đã xác định đủ những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Bản án sơ thẩm không đánh giá; tuy nhiên theo tài liệu hồ sơ thể hiện cụ Nguyễn TC1 chết năm 1980, cụ Đặng U chết năm 1991; do đó thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là ngày công bố Pháp lệnh thừa kế ngày 30/8/1990, thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế được xác định theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015; ngày 22/6/2020 ông Nguyễn TV làm đơn khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn TV, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự trong vụ án có căn cứ xác định: Thừa đất số 62, tờ bản đồ số 4, diện tích 706m² (nay thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 5, diện tích đo thực tế là 1.039m²) tại địa chỉ xóm 6A, xã TL, huyện Ch, tỉnh N; trên đất có nhà ở là tài sản của vợ chồng cụ Nguyễn TC1 và cụ Đặng U sử dụng từ trước năm 1980 để lại. Diện tích thửa đất tăng lên 333m² có nguyên nhân theo xác nhận của chính quyền địa phương là do đo đạc qua các thời kỳ, thửa đất có khuôn viên sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các hộ liền kề, đất sử dụng phù hợp quy hoạch và có đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất. Sau khi cụ TC1, cụ U chết, vợ chồng ông Nguyễn TP2, bà Nguyễn TM về ở trên đất từ năm 1991, có công sức trong việc duy tu, tôn tạo, quản lý di sản và làm nghĩa vụ đối với thửa đất; do đó bản án sơ thẩm trích công sức cho vợ chồng ông TP2, bà TM bằng 289m² đất; xác định di sản thừa kế về đất của cụ TC1 cụ U còn lại 750m² tại thửa đất số 96, tờ bản đồ số 5, tại địa chỉ xóm 6A, xã TL, huyện Ch, tỉnh N và 01 ngôi nhà 03 gian 02 hồi trên đất để chia thừa kế là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

Trên cơ sở hiện trạng thửa đất, các tài sản trên đất; ý kiến về việc nhận, cho phân di sản thừa kế được hưởng của những người thừa kế, bản án sơ thẩm chia cho các đồng thừa kế của cụ TC1, cụ U (ông Nguyễn TV) sử dụng phần đất 779m², trong đó; đất ở 200m², đất vườn 300m², tạm giao 279m² và ngôi nhà gỗ 03 gian hai hồi trị giá 477.400.000 đồng; được sở hữu toàn bộ tài sản, cây cối trên

phần đất được chia, nhưng phải thanh toán trị giá chênh lệch về đất và tài sản trên đất cho bà TM tổng số tiền 77.400.000 đồng gồm: giá trị 104m² đất là 62.400.000 đồng; trị giá ngôi nhà 10.000.000 đồng và các tài sản, cây cối 5.000.000 đồng; trích phần công sức duy tu, quản lý, tôn tạo di sản cho vợ chồng ông TP2, bà TM bằng 289m² đất và ½ suất thừa kế của ông TP2 là 75m² đất nhưng chỉ giao cho bà Nguyễn TM sử dụng 260m² đất, trong đó 100m² đất ở, 106m² đất vườn, tạm giao 54m², trị giá 156.000.000 đồng, được sở hữu toàn bộ tài sản trên phần đất được được trích, chia và được nhận số tiền 77.400.000 đồng trị giá tài sản do ông Nguyễn TV giao lại là phù hợp.

Đối với phần di sản thừa kế ông Nguyễn TP2 được nhận, do anh Nguyễn Trọng Đ3 chỉ tự nguyện giao phần di sản được hưởng thừa kế từ ông TP2 đối với phần ông TP2 được hưởng thừa kế từ cụ TC1, cụ U để lại, không yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông TP2 nên bản án sơ thẩm trích chia 75m² đất anh Đ3 được thừa kế của ông TP2 cho ông Nguyễn TV quản lý và quyết định dành quyền khởi kiện cho các thừa kế của ông TP2 bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu là có căn cứ pháp luật.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản; quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Nguyễn TV là nguyên đơn khởi kiện có yêu cầu thẩm định, định giá tài sản, tự nguyện chịu toàn bộ chi phí và đã thực hiện xong; bản án sơ thẩm không xem xét, giải quyết nên không thuộc phạm vi giải quyết của cấp phúc thẩm.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn TV; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn TV và bà Nguyễn TM là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 289, khoản 1 Điều 312, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức TT, miễn, giảm, TT, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn TM.

2. Bác kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn TV; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

3. Án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn TV và bà Nguyễn TM.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Cục THADS tỉnh N;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng